

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: 16/2008/QH12

LUẬT**sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy số 23/2000/QH10,

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy:

1. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 13

1. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân được tiến hành một số hoạt động sau đây:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan thực hiện các hoạt động ngăn chặn, đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy;

b) Áp dụng các biện pháp nghiệp vụ trinh sát cần thiết để phát hiện tội phạm về ma túy;

c) Trưng cầu giám định mẫu vật, mẫu

phẩm sinh học cần thiết để phát hiện tội phạm về ma túy;

d) Yêu cầu cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, tình hình tài chính và tài khoản tại ngân hàng khi có căn cứ cho rằng có hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 8 Điều 3 của Luật này;

đ) Yêu cầu cơ quan bưu điện mở bưu kiện, bưu phẩm để kiểm tra khi có căn cứ cho rằng trong bưu kiện, bưu phẩm đó có chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;

e) Áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ người tố giác, người làm chứng và người bị hại trong các vụ án về ma túy.

2. Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này theo yêu cầu của cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy.

3. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Bộ đội biên phòng, lực lượng Cảnh sát biển, cơ quan Hải quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền

hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan công an, các cơ quan hữu quan khác thực hiện và áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần tại khu vực hoặc địa bàn quản lý, kiểm soát.

4. Chính phủ quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy trong việc thực hiện, phối hợp thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.”

2. Điều 25 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 25. Chính sách của Nhà nước về cai nghiện ma túy bao gồm:

1. Áp dụng chế độ cai nghiện đối với người nghiện ma túy, khuyến khích người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện.

2. Tổ chức cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc.

3. Khuyến khích cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức thực hiện việc cai nghiện tự nguyện cho người nghiện ma túy, hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và phòng, chống tái nghiện ma túy; nghiên cứu, sản xuất, ứng dụng thuốc và phương pháp cai nghiện ma túy.

4. Hỗ trợ kinh phí thực hiện cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và phòng, chống tái nghiện ma túy;

5. Tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ, đầu tư vào hoạt động cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và phòng, chống tái nghiện ma túy được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.”

3. Điều 26 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 26

1. Người nghiện ma túy có trách nhiệm:

a) Tự khai báo về tình trạng nghiện ma túy của mình với cơ quan, tổ chức nơi làm việc hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) nơi cư trú và tự đăng ký hình thức cai nghiện ma túy;

b) Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về cai nghiện ma túy.

2. Gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm:

a) Khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã về người nghiện ma túy trong gia đình mình và đăng ký hình thức cai nghiện cho người đó;

b) Động viên, giúp đỡ và quản lý người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng

theo sự hướng dẫn, giám sát của cán bộ y tế và Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Theo dõi, giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn người nghiện sử dụng trái phép chất ma túy hoặc có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội;

d) Hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện và đóng góp kinh phí cai nghiện theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức cho người nghiện ma túy, gia đình người nghiện ma túy khai báo về tình trạng nghiện ma túy và đăng ký hình thức cai nghiện.”

4. Bổ sung Điều 26a vào sau Điều 26 như sau:

“Điều 26a

1. Các biện pháp cai nghiện ma túy bao gồm:

- a) Cai nghiện ma túy tự nguyện;
- b) Cai nghiện ma túy bắt buộc.

2. Các hình thức cai nghiện ma túy bao gồm:

- a) Cai nghiện ma túy tại gia đình;
- b) Cai nghiện ma túy tại cộng đồng;
- c) Cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện.”

5. Điều 27 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 27

1. Hình thức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng được áp dụng đối với người tự nguyện cai nghiện, trừ trường hợp người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện tại cơ sở cai nghiện.

Trường hợp người nghiện ma túy không tự nguyện cai nghiện thì áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Thời hạn cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng từ sáu tháng đến mười hai tháng.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức cai nghiện ma túy tại cộng đồng, hướng dẫn, hỗ trợ cai nghiện ma túy tại gia đình.

4. Chính phủ quy định cụ thể về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng và trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.”

6. Điều 31 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 31

1. Nhà nước áp dụng phương pháp cai nghiện thích hợp đối với người nghiện ma túy là người bị tạm giam, phạm nhân, trại viên của cơ sở giáo dục, học sinh của trường giáo dưỡng. Cơ quan quản lý các

cơ sở này phối hợp chặt chẽ với cơ quan y tế địa phương để thực hiện quy định này.

2. Giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam, giám đốc cơ sở giáo dục, hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cai nghiện ma túy của người nghiện ma túy quy định tại khoản 1 Điều này khi họ trở về nơi cư trú.”

7. Bổ sung Điều 32a vào sau Điều 32 như sau:

“**Điều 32a.** Người đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện mà phạm tội, nếu thời gian bị phạt tù ít hơn thời gian cai nghiện ma túy thì sau khi chấp hành xong hình phạt tù phải tiếp tục cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện bắt buộc; trường hợp phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng cho hưởng án treo thì vẫn phải thực hiện cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.”

8. Điều 33 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 33

1. Người nghiện ma túy sau khi chấp hành xong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện phải chịu sự quản lý sau cai nghiện từ một năm đến hai năm theo một trong hai hình thức sau đây:

a) Quản lý tại nơi cư trú do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với người không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Quản lý tại cơ sở quản lý sau cai nghiện đối với người có nguy cơ tái nghiện cao.

2. Nội dung quản lý sau cai nghiện bao gồm:

a) Quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ phòng, chống tái nghiện; hỗ trợ học nghề, tìm việc làm và tham gia các hoạt động xã hội để hòa nhập cộng đồng đối với người được quản lý tại nơi cư trú;

b) Quản lý, tư vấn, giáo dục, dạy nghề, lao động sản xuất và chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng đối với người được quản lý tại cơ sở quản lý sau cai nghiện.

3. Người được quản lý tại cơ sở quản lý sau cai nghiện tham gia lao động sản xuất được hưởng thành quả lao động của mình theo quy định của Chính phủ.

4. Người đang được quản lý tại cơ sở quản lý sau cai nghiện mà bỏ trốn thì người đứng đầu cơ sở ra quyết định truy tìm; cơ quan công an có trách nhiệm phối hợp với cơ sở quản lý sau cai nghiện trong việc truy tìm để đưa người đó trở lại cơ sở thực hiện tiếp thời gian còn lại.

5. Cơ sở quản lý sau cai nghiện phải tôn trọng danh dự, nhân phẩm, tính mạng,

sức khỏe, tài sản của người được quản lý sau cai nghiện.

6. Người đã hoàn thành thời gian quản lý sau cai nghiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, gia đình tiếp nhận, tạo điều kiện học nghề, tìm việc làm, vay vốn, tham gia các hoạt động xã hội để hòa nhập cộng đồng, giúp đỡ phòng, chống tái nghiện.

7. Chính phủ quy định cụ thể tiêu chí xác định đối tượng có nguy cơ tái nghiện cao quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục đưa vào cơ sở quản lý sau cai nghiện; chế độ quản lý và chính sách hỗ trợ cho người sau cai nghiện; tổ chức và hoạt động của cơ sở quản lý sau cai nghiện.”

9. Bổ sung Điều 34a vào sau Điều 34 như sau:

“Điều 34a

1. Biện pháp can thiệp giảm tác hại của nghiện ma túy là biện pháp làm giảm hậu quả tác hại liên quan đến hành vi sử dụng ma túy của người nghiện gây ra cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

2. Biện pháp can thiệp giảm tác hại của nghiện ma túy được triển khai trong nhóm người nghiện ma túy thông qua chương trình, dự án phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội.

3. Chính phủ quy định cụ thể các biện pháp can thiệp giảm tác hại của nghiện ma túy và tổ chức thực hiện các biện pháp này.”

10. Khoản 1 Điều 35 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Kinh phí để xây dựng cơ sở vật chất, tổ chức cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện, phòng, chống tái nghiện ma túy được quy định tại các điều 27, 28, 29, 31, 33 và 34 của Luật này, bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước;

b) Đóng góp của người cai nghiện ma túy và gia đình họ;

c) Các nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài.”

11. Bổ sung Điều 38a, Điều 38b vào sau Điều 38 như sau:

“Điều 38a. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống ma túy ở khu vực biên giới trên đất liền, khu vực biên giới trên biển, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

2. Phối hợp với cơ quan hữu quan của nước khác để phát hiện, ngăn chặn các hành vi mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện,

thuốc hướng thần qua biên giới theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy của Bộ đội Biên phòng và lực lượng Cảnh sát biển.”

“Điều 38b. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo cơ quan Hải quan thực hiện hoạt động phòng, chống ma túy theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chủ trì phối hợp với bộ, ngành, chính quyền địa phương xây dựng dự toán kinh phí phòng, chống ma túy trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.”

12. Điều 39 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 39. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chủ trương, chính sách, kế hoạch tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện; chỉ đạo tổ chức cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện.

2. Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện.

3. Chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan và chính quyền địa phương xây dựng, hướng dẫn hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở quản lý sau cai nghiện; dạy nghề, tạo việc làm, tư vấn, hỗ trợ, tạo điều kiện vật chất và tinh thần để giúp đỡ người đã cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

4. Thống kê, đánh giá tình hình cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện.

5. Hướng dẫn, chỉ đạo việc thành lập, giải thể cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở quản lý sau cai nghiện; cấp, thu hồi giấy phép hoạt động của các cơ sở khác về cai nghiện ma túy.

6. Thực hiện hợp tác quốc tế về cai nghiện ma túy và giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện.”

13. Khoản 1 Điều 40 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Ban hành danh mục, quy chế quản lý thuốc gây nghiện, tiền chất, thuốc hướng thần sử dụng trong lĩnh vực y tế

và tổ chức thực hiện quy chế đó; ban hành và chủ trì phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức thực hiện quy chế quản lý chất ma túy sử dụng trong lĩnh vực y tế, phân tích, kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học;

b) Quy định việc nghiên cứu thuốc và phương pháp cai nghiện ma túy; cấp, thu hồi giấy phép lưu hành thuốc, phương pháp cai nghiện ma túy; hướng dẫn, thủ tục xác định người nghiện ma túy; hỗ trợ về người, chuyên môn kỹ thuật y tế để cai nghiện ma túy;

c) Thực hiện hợp tác quốc tế về kiểm soát thuốc gây nghiện, tiền chất, thuốc hướng thần sử dụng trong lĩnh vực y tế, phân tích, kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học;

d) Chỉ đạo các cơ sở y tế phối hợp xét nghiệm, xác định và cai nghiện cho người nghiện ma túy ở xã, phường, thị trấn.”

14. Bổ sung Điều 42a vào sau Điều 42 như sau:

“**Điều 42a.** Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan hữu quan thực hiện hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục về công tác phòng, chống ma túy.”

15. Điều 43 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 43.** Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các cơ quan, tổ chức hữu quan khác tuyên truyền, giáo dục, tổ chức xóa bỏ cây có chứa chất ma túy; thực hiện chương trình trợ giúp chuyên hướng sản xuất có hiệu quả, ổn định đời sống của nhân dân.”

Điều 2.

1. Thay cụm từ “Bộ Công nghiệp” bằng cụm từ “Bộ Công thương” tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41, thay cụm từ “chính quyền cơ sở” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 1 Điều 53 của Luật phòng, chống ma túy.

2. Bãi bỏ Điều 44 của Luật phòng, chống ma túy.

Điều 3. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 03 tháng 6 năm 2008./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Phú Trọng